TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-06-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đỗ Văn Thành
Ông Nguyễn Xuân Phong

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Huấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc: Ly hôn. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Đức T, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)
- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Đức T trình bầy: Tôi và chị L kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 24/2/2009 tại UBND xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L chơi bời, cờ bạc tôi nói không nghe từ đó mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Khi tôi làm đơn ly hôn thì chị L nói với tôi là đi làm ăn, tôi hỏi làm ăn ở đâu thì chị L không nói. Tòa án triệu tập tôi điện thoại cho chị L, chị L bảo

không về. Vợ chồng tôi sống ly thân nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn chị L.

* Về con chung: Có 01 cháu: Trần Ngọc H sinh ngày 17/12/2009. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu chị L tại thôn L, xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Tòa án đã niêm yết các giấy tờ thông báo đến chị L đồng thời anh T cũng đã điện thoại thông báo nội dung Tòa án triệu tập cho chị L nhưng chị L cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị L. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T và chị Phạm Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 24 tháng 2 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Anh T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ tháng 01/2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L chơi bời, cờ bạc anh nói không nghe từ đó mâu thuẫn vợ chồng

xảy ra. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh T xin ly hôn chị L là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bầy của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định hiện nay anh T và chị L đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh T được ly hôn chị L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu: Trần Ngọc H sinh ngày 17/12/2009. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi cháu H. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của cháu. Do vậy cần giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đức T được ly hôn chị Phạm Thị L.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Trần Ngọc H sinh ngày 17/12/2009 cho anh Trần Đức T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Trần Đức T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/04766 ngày 03/4/2018 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Đức T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã A
- Lưu HS-TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng